TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Thư ký viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/2/2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2019, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Đội 16, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Tr, sinh năm: 1991.

Nơi ĐKHKTT: Đội 16, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ hiện nay: Xóm Đ, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh T. Vắng mặt chị Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/2/2019, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Tr đăng ký kết hôn ngày 15/7/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị Tr mê chơi điện tử, bỏ bê việc gia

đình và không quan tâm đến chồng con. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng chị Tr không chuyển biến và đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ tháng 4/2018 vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Tuấn K - Sinh ngày 02/11/2015 hiện đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019, ông Hoàng Văn M (là bố đẻ của chị Hoàng Thị Tr) cung cấp:

Chị Hoàng Thị Tr có biết việc anh Trần Văn T có đơn xin ly hôn gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải… và đã thông báo cho chị Tr những nội dung này nhưng do bận công việc nên chị Tr không đến Tòa án.

Ông M cũng xác nhận vợ chồng anh T, anh T có mâu thuẫn và đã sống ly thâng từ tháng 4/2018 tới nay; Vợ chồng anh T, chị Tr có 01 con chung là Trần Tuấn K - Sinh ngày 02/11/2015 hiện đang ở với anh T.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng ông có giữ của anh T, chị Tr 30.000.000đ và 18 chỉ vàng, quan điểm của ông M là nếu anh T, chị Tr ly hôn ông sẽ trả lại cho con của anh T, chị Tr khi cháu trưởng thành.

Tại phiên tòa: Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS; Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung:

Xét thấy vợ chồng anh T, chị Tr đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh T, chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung;

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Hoàng Thị Tr nhưng chị Tr vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Anh Trần Văn T và chị Hoàng Thị Tr đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018. Nay anh T có đơn yêu cầu ly hôn.

Sau khi anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh T cho chị Tr nhưng chị Tr không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của anh T, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019, ông Hoàng Văn M (là bố đẻ của chị Hoàng Thị Tr) cung cấp: Chị Hoàng Thị Tr có biết việc anh Trần Văn T có đơn xin ly hôn và gia đình đã thông báo cho chị Tr các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông M cũng xác nhận vợ chồng anh T, chị Tr có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 4/2018 tới nay; Vợ chồng anh T, chị Tr có 01 con chung là - Trần Tuấn K - Sinh ngày 02/11/2015 hiện đang ở với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa anh T và chị Tr đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, hiện tại đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ được với nhau được nữa nên việc anh T xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Tuấn K - Sinh ngày 02/11/2015 hiện đang ở với anh T.

Xét yêu cầu của anh T về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Chị Tr vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung. Anh T hiện tại có công việc việc làm, thu nhập ổn định, nên để đảm bảo việc học tập, chăm sóc giáo dục con chung cần

giao cho anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc anh T không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản: Theo ông Hoàng Văn M trình bày: Vợ chồng ông có giữ của vợ chồng anh T, chị Tr 30.000.000đ và 18 chỉ vàng, quan điểm của ông M là nếu anh T, chị Tr ly hôn ông sẽ trả lại cho con của anh T, chị Tr khi cháu trưởng thành. Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này nên HĐXX không xem xét.

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện anh T và chị Tr có tài sản khác, cũng như khoản nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Hoàng Thị Tr.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng con chung là Trần Tuấn K - Sinh ngày 02/11/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Hoàng Thị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Anh Trần Văn T nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 04919 ngày 14/2/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Hoàng Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã V, huyện T;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà